| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **2159**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Huệ Tú.

Ông Hồ Văn Cảm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:***

Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 425/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3850/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A sau đường B, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Teng Fa C**, sinh năm 1960; địa chỉ: Đài Loan.Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:* Bà và ông Teng Fa C quen biết nhau vào năm 1995 do người quen giới thiệu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số K Quyển số 14 ngày 14 tháng 10 năm 1995, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam khoảng 03 tháng và chung sống tại Đài Loan khoảng 06 tháng, mặc dù không có mâu thuẫn nhưng vợ chồng bà ít nói chuyện, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Khoảng giữa năm 1996, bà một mình về Việt Nam sinh con và sống một mình với con chung cho đến nay. Trong năm 1997, ông Teng Fa C có liên hệ với bà qua điện thoại nhưng chỉ để trao đổi thông tin về con chung, sau đó vợ chồng bà hoàn toàn không còn liên hệ gì với nhau. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Teng Fa C.

Về con chung: Bà và ông Teng Fa C có 01 con chung là Trần Phát H1, giới tính: nam, sinh năm 1996. Giấy khai sinh không ghi tên cha do tại thời điểm khai sinh bà không cung cấp thông tin và con lấy họ mẹ. Do con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Teng Fa C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

*Đối với bị đơn Teng Fa C:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Teng Fa C có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 787/UTTPDS-TA30 ngày 17 tháng 10 năm 2022). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn; không giải quyết về con chung do đã trưởng thành. Về nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết vấn đề về tài sản nên đề nghị không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly

hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Teng Fa C hiện đang cư trú tại Đài Loan; nguyên đơn bà Trần Thị Thu H cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tống đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số K Quyển số 14 ngày 14 tháng 10 năm 1995, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 1995, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu H và ông Teng Fa C là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H thì bà và ông Teng Fa C chung sống hạnh phúc trong gần 01 năm sau khi kết hôn, mặc dù không xảy ra mâu thuẫn nhưng thiếu sự trò chuyện, chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 1996 bà H và ông Teng Fa C sống mỗi người một nơi và không thường xuyên liên hệ với nhau. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Teng Fa C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị Thu H và ông Teng Fa C đã không còn chung sống hay liên hệ với nhau trong khoảng thời gian rất dài thể hiện tình nghĩa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, giải quyết cho bà H được ly hôn ông Teng Fa C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Teng Fa C có 01 con chung là Trần Phát H1, giới tính: nam, sinh năm 1996. Giấy khai sinh không ghi tên cha do tại thời điểm khai sinh bà không cung cấp thông tin và con lấy họ mẹ. Do con chung đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Teng Fa C không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Teng Fa C.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số K Quyển số 14 ngày 14 tháng 10 năm 1995, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 1995 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa hai người có 01 con chung là Trần Phát H1, giới tính: nam, sinh năm 1996, con chung đã thành niên, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số Q ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Teng Fa C theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**